

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU CẤP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KỲ THI NGÀY 29/5/2022**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHPVD ngày tháng 6 năm 2022)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành		
1	Đặng Cao Hoàng Anh	13/06/1985	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9,6	8,0	Đạt	
2	Tôn Nữ Hoàng Anh	28/06/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,6	7,0	Đạt	
3	Trương Võ Anh	02/04/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,8	9,0	Đạt	
4	Phạm Văn Tường	04/01/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,2	8,0	Đạt	
5	Lê Quốc Duy	03/10/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,4	7,0	Đạt	
6	Nguyễn Thị Kim Hà	20/03/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,0	7,0	Đạt	
7	Đinh Sang Hữu	28/12/2003	Quảng Ngãi	Nam	H're	9,0	9,0	Đạt	
8	Lê Thị Minh Khoa	12/01/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,4	9,0	Đạt	
9	Lê Thị Liên	24/09/1982	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,4	6,0	Đạt	
10	Lê Thị Li Loan	22/09/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	10,0	Đạt	
11	Trần Văn Long	16/07/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	8,8	9,0	Đạt	
12	Đặng Quang Luật	02/09/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,4	8,0	Đạt	
13	Lê Li Na	24/11/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,6	7,0	Đạt	
14	Võ Thị Hồng Ny	01/02/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt	
15	Phạm Thị Như	12/11/2001	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	7,6	5,0	Đạt	
16	Trần Long Phi	16/08/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,6	9,0	Đạt	
17	Nguyễn Duy Phong	01/02/1987	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,8	9,0	Đạt	
18	Bùi Văn Quân	27/02/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,6	7,0	Đạt	
19	Nguyễn Phạm Nhã Quyên	10/09/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt	
20	Nguyễn Tấn Sang	12/12/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
21	Võ Thanh Sang	27/02/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,6	6,5	Đạt	
22	Huỳnh Văn Sĩ	10/03/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9,4	9,0	Đạt	
23	Võ Anh Tài	20/03/1990	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,2	7,5	Đạt	
24	Bùi Tá Tú	09/07/1988	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,0	5,5	Đạt	
25	Hồ Thị Thanh Thắm	15/09/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Co	7,0	6,0	Đạt	
26	Phan Văn Thạnh	18/02/1988	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
27	Huỳnh Nguyễn Hồng Thắm	04/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,6	5,0	Đạt	
28	Phạm Công Thuận	10/10/1993	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,4	6,0	Đạt	
29	Nguyễn Ngọc Thủy	06/11/1981	Quảng Nam	Nam	Kinh	8,4	6,0	Đạt	

TT	Họ và Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành		
30	Nguyễn Thị Hà	Trang	01/11/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
31	Nguyễn Tấn	Triều	10/01/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,2	5,5	Đạt	
32	Trần Thị Cẩm	Vy	08/03/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	8,0	Đạt	
33	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	10/04/1999	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
34	Huỳnh Ngọc	Hiệp	12/04/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,4	6,0	Đạt	Thi lại 2 môn
35	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/01/1983	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,6	6,0	Đạt	Thi lại TH
36	Nguyễn Tấn	Khánh	21/09/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,6	6,0	Đạt	Thi lại TH
37	Lê Thành	Long	25/01/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt	Thi lại TH
38	Detsalavanh	Alita	05/05/1999	Lào	Nữ	Lào	6,8	5,0	Đạt	Thi lại LT
39	Cao Thị Mỹ	Hoa	11/04/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,8	5,0	Đạt	Thi lại LT
40	Phạm Thị Y	Lan	12/02/2001	Quảng Ngãi	Nữ	H're	5,8	6,5	Đạt	Thi lại LT
41	Khamsadet	Salamya	21/12/1999	Lào	Nam	Lào	7,8	7,0	Đạt	Thi lại LT
42	Võ Ngọc	Hào	08/02/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt	Thi lại LT

Danh sách này có: 42 thí sinh.